

Số: 2802 /QĐ-STC

Quảng Trị, ngày 03 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách
năm 2022 của Sở Tài chính

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Phụ trách kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của Sở Tài chính (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phụ trách kế toán và các Phòng thuộc Sở chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. *(chữ ký)*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Niêm yết tại VP;
- Lưu: VT, VP(LINH).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hải Hà

Đơn vị: SỞ TÀI CHÍNH

Chương 418



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 2802/QĐ-STC ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài chính)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.132,65	10.124,38	-8,27	
1	Chi quản lý hành chính	9.902,65	9.894,38	-8,27	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.125,00	6.121,30	-3,70	
-	Chi cho con người	5.166	5.162,30	-3,7	
-	Chi cho công việc	959,00	959,00	0,00	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.637,65	3.633,08	-4,57	
-	Kinh phí làm việc với các Bộ, ngành TW	322,00	322,00	0	
-	Kinh phí hoạt động thanh tra tài chính	155,00	154,80	-0,2	
-	Hỗ trợ hoạt động của hệ thống Tabmis, truyền thông và các hoạt động khác về công nghệ thông tin	397,00	397,00	0	
-	Kinh phí hoạt động báo cáo giá thị trường	155,00	154,50	-0,50	
-	Kinh phí kiểm tra, hướng dẫn chế độ chính sách các cơ quan, đơn vị, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước	357,00	357,00	0	
-	Kinh phí hoạt động Hội đồng thẩm định giá đất	230,00	230,00	0	
-	Kinh phí xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh	10,00	8,90	-1,1	
-	Kinh phí hoạt động Tổ mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung	78,00	78,00	0	



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
-	Mua sắm tài sản, xây dựng phòng họp trực tuyến	540,00	539,14	-0,86	
-	Kinh phí triển khai NĐ 60/2021/NĐ-CP và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần	122,00	122,00	0	
-	Kinh phí chi trả cho Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	175,00	175,00	0	
-	Kinh phí bổ sung thực hiện các nhiệm vụ đột xuất	895,00	894,50	-0,5	
-	Kinh phí cải tạo, sửa chữa một số phòng làm việc	201,65	200,24	-1,41	
1.3	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng	100,00	100,00	0	
1.4	Kinh phí chi cho An toàn giao thông	40,00	40,00	0	
2	Chi sự nghiệp kinh tế	230,00	230,00		
2.1	Kinh phí thẩm định giá trị quyền sử dụng đất	100,00	100,00	0	
2.2	Kinh phí thẩm định hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	130,00	130,00	0	

Cal